

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 150/2025/KDTM-PT

Ngày: 28/5/2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phùng Thị Như Mai

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Quyên

Bà Mai Thị Thanh Tú

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 105/2025/TLPT-KDTM ngày 06 tháng 3 năm 2025 về: “Tranh chấp hợp đồng thi công”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1975/2025/QĐ-PT ngày 11 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 6224/2025/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần I

Trụ sở: 45A đường Nguyễn Văn T, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng Đ, là người đại diện hợp pháp theo giấy ủy quyền số 626/GUQ-CTY ngày 22/9/2023.

(Có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N

Trụ sở: 8 đường P, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh B là người đại diện hợp pháp theo giấy ủy quyền số 39/GU-N ngày 23/5/2024.

(Có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Kho Bạc Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh

Trụ sở: Số 37 đường N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Huỳnh Đức C, là người đại diện hợp pháp theo Giấy ủy quyền số 2085/GUQ -KBTPHCM ngày 14/5/2024.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và Biên bản hòa giải Nguyên đơn Công ty Cổ phần I có ông Nguyễn Hoàng Đ là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15 tháng 7 năm 2016 Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng 3-2 (từ ngày 18 tháng 05 năm 2020 Công ty đổi tên thành Công ty cổ phần I, sau đây gọi tắt là Công ty I) ký kết Hợp đồng thi công xây dựng với Công ty cổ phần Xây dựng N (nay đổi tên thành Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng N, sau đây gọi tắt là Công ty N) hợp đồng thi công có số 64/2016/TC/N – I thuộc gói thầu số 8XD: hạ tầng kỹ thuật (đường, hệ thống cấp thoát nước, trạm xử lý nước thải, hồ điều tiết); các khu phụ trợ (nhà để xe, sân thể thao và các hạng mục phụ trợ khác) thuộc dự án Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành tài chính tại TP. Hồ Chí Minh.

- Công ty N giao Công ty I thi công các hạng mục: Cọc thí nghiệm, cọc đại trà, hệ thống điện, hệ thống cấp thoát nước, giếng khoan, bể xử lý nước thải, hồ điều tiết, hồ phun nước 1, hồ phun nước 2, rạch hiện hữu + miệng cống, sân bóng chuyền, sân cầu lông, sân tennis, cột cờ 1+2, đường đi bộ +vĩa hè + bó vĩa + bồn hoa, trạm biến thế + giặt ủi. Hạng mục công việc và khối lượng thi công chi tiết theo Phụ lục số 01 của hợp đồng.

- Giá hợp đồng 61.672.640.000 (sáu mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng, sau đó được điều chỉnh lại là 36.215.241.529 (ba mươi sáu tỷ hai trăm mười lăm triệu hai trăm bốn mươi một nghìn năm trăm hai mươi chín) đồng (bao gồm thuế GTGT).

- Thanh toán: Thực hiện trên cơ sở khối lượng công việc thực tế hoàn thành được nghiệm thu từng đợt nhân với đơn giá hợp đồng. Thanh toán 100% giá trị khối lượng nghiệm thu từng đợt sau khi giảm trừ chi phí quản lý 5%, các khoản tạm ứng theo tỉ lệ và giá trị Công ty N thực hiện hộ (nếu có). Sau khi hạng mục công trình được nghiệm thu hoàn thành, bàn giao và Công ty I có chứng thư bảo lãnh bảo hành theo mẫu của Công ty N, Công ty N sẽ thanh toán hết giá trị

quyết toán. Thực tế Công ty I đã thực hiện 7 đợt và sau mỗi đợt hai bên đều ký bảng xác nhận khối lượng và giá trị quyết toán của từng đợt.

- Thời hạn thanh toán: Công ty N sẽ thanh toán, tạm ứng cho Công ty I trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày Công ty N đã được chủ đầu tư thanh toán và nhận được đầy đủ hồ sơ tạm ứng, thanh toán hợp lệ của Công ty I.

Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng: 150 ngày.

Thực hiện hợp đồng Công ty I đã thực hiện thi công từ ngày ký kết hợp đồng 29/4/2016 đến ngày 02/10/2018 hoàn thành công trình, hai bên ký biên bản nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng ngày 03/10/2018. Quá trình thi công có các vướng mắc về bàn giao mặt bằng, thay đổi thiết kế kỹ thuật, điều chỉnh khối lượng các hạng mục thi công nên tiến độ kéo dài, khối lượng thi công giảm so với hợp đồng đã ký kết. Dù vậy, Công ty I đã thực hiện thi công xây dựng đáp ứng các yêu cầu của công trình về công suất đưa vào vận hành, khối lượng thực hiện, chất lượng công trình, biện pháp để đảm bảo an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ, chống ô nhiễm môi trường và an toàn sử dụng.

Quá trình thực hiện hợp đồng thi công và thanh toán Công ty I đã lên 7 đợt khối lượng thanh toán với tổng giá trị 7 đợt là 31.984.578.284 (ba mươi một tỷ chín trăm tám mươi bốn triệu năm trăm bảy mươi tám nghìn hai trăm tám mươi bốn) đồng. Công ty N đã thanh toán cho Công ty I số tiền là 29.896.968.329 (hai mươi chín tỷ tám trăm chín mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng. Số tiền còn nợ của 7 đợt khối lượng thanh toán là 2.087.609.955 (hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng. Trong đó cụ thể là sau khi Công ty N thanh toán khối lượng tất cả 6 đợt và khấu trừ tạm ứng tới đợt thanh toán 6 thì Công ty N yêu cầu Công ty I hoàn trả lại hết toàn bộ số tiền tạm ứng còn lại cho Công ty N. Công ty I đã thực hiện hoàn trả lại hết số tiền tạm ứng còn lại cho Công ty N. Tiền thanh toán đợt 7 là 3.987.609.955 (ba tỷ chín trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng thì Công ty N mới chỉ thanh toán cho Công ty I là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng. Do vậy Công ty N còn nợ Công ty I số tiền 2.087.609.955 (hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng tính từ ngày 20/01/2020. Ngày 20/01/2020 được xác định là ngày bắt đầu chậm thanh toán của đợt 7 bởi vì đây là ngày đủ điều kiện theo quy định của hợp đồng Công ty N thanh toán khối lượng của đợt 7 và trên thực tế Công ty N đã thanh toán cho Công ty I một phần của đợt 7 này là 1.900.000.000 (một tỷ chín trăm triệu) đồng.

Về tiền lãi do chậm thanh toán, căn cứ Điều 306 của Luật Thương mại hiện hành quy định “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay tiền thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”, Công ty N không thực hiện thanh toán theo nội dung hợp đồng đã ký kết và nợ chậm thanh toán kéo dài. Do vậy Công ty I yêu cầu Công ty N thanh toán tiền lãi do chậm thanh toán như sau: Nợ chậm thanh toán là số tiền thanh toán đợt 7 còn lại là 2.087.609.955 (hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng; Số ngày chậm thanh toán tạm tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 21/9/2023 là 1.340 ngày; Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là $10,350\% \times 150\% = 15,525\% / \text{năm}$ (365 ngày). Thành tiền lãi nợ chậm thanh toán tạm tính đến ngày 21/9/2023: $2.087.609.955 \times 15,525\% \times 1.340/365 = 1.189.851.882$ (một tỷ một trăm tám mươi chín triệu tám trăm năm mươi một nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng.

Ngày 03/10/2018 Công ty I và Công ty N đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng, Công ty I đã phối hợp cùng Công ty N lập quyết toán khối lượng công trình, đối chiếu hồ sơ và thống nhất khối lượng quyết toán giữa Công ty I và Công ty N. Số tiền quyết toán khối lượng còn lại là 4.976.155.843 (bốn tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi ba) đồng. Tuy nhiên khi Công ty I giao hồ sơ quyết toán khối lượng trong đó có các chứng từ cơ sở cho Công ty N kiểm tra ký xác nhận thì Công ty N đã cất giữ luôn hồ sơ, không ký hồ sơ khối lượng quyết toán và cũng không thanh toán khối lượng quyết toán còn lại cho Công ty I.

Qua nhiều lần Công ty I liên hệ làm việc, đến trực tiếp Công ty N làm việc yêu cầu thanh toán khối lượng đợt 7 còn lại, yêu cầu ký khối lượng quyết toán thi công xây dựng công trình đã gửi và thanh toán cho Công ty I, tuy nhiên Công ty N vẫn không ký khối lượng quyết toán thi công xây dựng và không thanh toán khối lượng cho Công ty I.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nay Công ty cổ phần I yêu cầu Tòa án nhân dân Quận C, thành phố Hồ Chí Minh giải quyết buộc Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng N thực hiện như sau:

1/ Thanh toán cho Công ty cổ phần I số tiền còn nợ của đợt thanh toán 7 là 2.087.609.955 (hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng và tiền lãi nợ chậm thanh toán tạm tính là

1.189.851.882 (một tỷ một trăm tám mươi chín triệu tám trăm năm mươi một nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng cho đến khi thanh toán hết số tiền nợ này.

2/ Ký xác nhận khối lượng quyết toán công trình và thanh toán số tiền khối lượng giá trị quyết toán còn lại là 4.976.155.843 (bốn tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi ba) đồng cho Công ty CP I.

Tổng số tiền Công ty cổ phần I yêu cầu Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng N thanh toán tạm tính là $2.087.609.955 + 1.189.851.882 + 4.976.155.843 = 8.253.617.680$ đồng (*tám tỷ, hai trăm năm mươi ba triệu, sáu trăm mười bảy nghìn, sáu trăm tám mươi đồng*). Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

* Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N không có nộp cho Tòa án bản trình bày ý kiến.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Kho Bạc Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh có ông Huỳnh Đức C, là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh đã ký hợp đồng thi công xây dựng số 36/2016/HĐXL ngày 29/4/2016 với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N về việc thi công gói thầu số 8XD: Hạ tầng kỹ thuật (đường, hệ thống cấp thoát nước, trạm xử lý nước thải, hồ điều tiết); các khu phụ trợ (nhà để xe, sân thể thao và các hạng mục sân thể thao và các hạng mục phụ trợ khác) thuộc dự án xây dựng Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ngành tài chính tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N đã thi công hoàn thành các công việc theo hợp đồng, các bên đã ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 03/10/2018.

Ngày 12/7/2022, hai bên ký biên bản thanh lý hợp đồng.

Ngày 14/7/2022, Kho Bạc Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh đã chuyển đủ số tiền được xác định trong Biên bản thanh lý hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N. Đến nay quyền, nghĩa vụ của Kho Bạc Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N đã thực hiện đầy đủ theo hợp đồng và chấm dứt mà không có bất kỳ tranh chấp nào.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần I: Kho Bạc Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh không biết và không ký bất kỳ một hợp đồng nào với Công ty Cổ phần I

Như đã trình bày ở trên, Kho Bạc Nhà Nước Thành phố Hồ Chí Minh khẳng định không có bất kỳ quyền lợi nghĩa vụ nào liên quan đến việc tranh chấp hợp đồng thi công xây dựng giữa Công ty Cổ phần I với Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N như thông báo số 169.1/TB-TLVA ngày 29/3/2024 của Tòa án nhân dân Quận C.

Kho bạc Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến đề nghị Tòa án nhân dân Quận C biết, giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần I có ông Nguyễn Hoàng Đ đại diện xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:

- Đối với việc yêu cầu buộc Bị đơn phải trả số tiền còn nợ của khối lượng đợt 7 còn lại: 2.087.609.955 (hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng thì Nguyên đơn vẫn giữ nguyên.

- Đối với yêu cầu buộc Bị đơn phải trả tiền lãi nợ chậm thanh toán tạm tính là 1.189.851.882 (một tỷ một trăm tám mươi chín triệu tám trăm năm mươi một nghìn tám trăm tám mươi hai) đồng với mức lãi suất 15,525 % /năm, nay Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau.

Yêu cầu buộc Bị đơn phải trả số tiền lãi chậm thanh toán khối lượng đợt 7 còn lại từ ngày 20/01/2020 đến ngày 08/8/2024 (1.662 ngày) với lãi suất là 10.02%/365 ngày, cụ thể là $2.087.609.955 \times 10,02\% \times 1.662/365 = 952.478.619$ (chín trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười chín) đồng.

Đối với yêu cầu buộc Bị đơn phải ký xác nhận khối lượng quyết toán công trình và thanh toán số tiền khối lượng giá trị quyết toán còn lại là 4.976.155.843 (bốn tỷ chín trăm bảy mươi sáu triệu một trăm năm mươi lăm nghìn tám trăm bốn mươi ba) đồng, tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn thay đổi như sau:

Yêu cầu buộc Bị đơn phải ký xác nhận khối lượng quyết toán công trình và thanh toán số tiền khối lượng giá trị quyết toán còn lại là 4.527.663.245 (bốn tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm) đồng.

Tổng số tiền Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc Bị đơn phải trả là 7.567.751.819 (bảy tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi một nghìn tám trăm mười chín) đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N có bà Nguyễn Thị Thanh B đại diện trình bày: Xác nhận giữa Nguyên đơn và Bị đơn có ký Hợp đồng thi công xây dựng số 64/2016/TC/N – I ngày 15/7/2016, thuộc gói thầu số 8XD. Giá trị hợp đồng là 61.672.640.000 (sáu mươi một tỷ sáu trăm bảy mươi hai triệu sáu trăm bốn mươi nghìn) đồng, tuy nhiên thực tế các bên chỉ thực hiện khối lượng thi công và giá trị quyết toán là 36.512.241.529 (ba mươi sáu tỷ năm trăm mười hai triệu hai trăm bốn mươi một nghìn năm trăm hai mươi chín) đồng.

Thực hiện hợp đồng Nguyên đơn đã thi công xong các hạng mục theo hợp đồng, công trình trên đã được hoàn công và bàn giao nghiệm thu cho chủ đầu tư năm 2018 và Bị đơn đã thanh toán cho Nguyên đơn được tổng số tiền là 29.896.968.329 (hai mươi chín tỷ tám trăm chín mươi sáu triệu chín trăm sáu mươi tám nghìn ba trăm hai mươi chín) đồng là tiền của 6 đợt thi công và 01 phần của đợt 7.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện thì Bị đơn có ý kiến như sau:

Bị đơn không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn về việc buộc Bị đơn phải trả số tiền là 7.567.751.819 (bảy tỷ năm trăm sáu mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi một nghìn tám trăm mười chín) đồng, trong đó tiền còn nợ của khối lượng đợt 7 còn lại: 2.087.609.955 (hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng; thanh toán số tiền khối lượng giá trị quyết toán còn lại là 4.527.663.245 (bốn tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm) đồng và tiền lãi chậm thanh toán khối lượng đợt 7 còn lại 952.478.619 (chín trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười chín) đồng.

Bị đơn chỉ đồng ý ký xác nhận khối lượng quyết toán công trình và trả cho Nguyên đơn tổng số tiền còn nợ là 4.064.049.048 (bốn tỷ không trăm sáu mươi bốn triệu không trăm bốn mươi chín nghìn không trăm bốn mươi tám) đồng theo như sự thỏa thuận của hai bên tại buổi làm việc ngày 11/6/2024, không đồng ý trả tiền lãi chậm trả vì hai bên chưa chốt hồ sơ quyết toán, chưa thống nhất được với nhau về số tiền chi phí tài chính mà Nguyên đơn hứa khấu trừ cho Bị đơn, do đó Bị đơn chưa vi phạm về nghĩa vụ thanh toán cho Nguyên đơn nên chưa phát sinh lãi chậm trả.

Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 30/2024/KDTM-ST ngày 13/8/2024 của Tòa án nhân dân Quận C đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Công ty Cổ phần I.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần I tổng số tiền nợ theo Hợp đồng thi công có số 64/2016/TC/N – I ngày 15/7/2016 là 7.567.751.819 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm mười chín đồng*), trong đó số tiền còn nợ của khối lượng đợt 7 còn lại: 2.087.609.955 đồng; tiền nợ lãi chậm trả của đợt 7 tạm tính đến ngày 08/8/2024 là 952.478.619 (chín trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười chín) đồng và tiền khối lượng giá trị quyết toán còn lại là 4.527.663.245 (bốn tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm) đồng. Việc thanh toán được thực hiện một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Buộc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N có nghĩa vụ phải xác nhận khối lượng quyết toán công trình theo Hợp đồng thi công có số 64/2016/TC/N – I ngày 15/7/2016.

Thực hiện việc trả tiền ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.3. Kể từ ngày đến hạn thi hành án và Công ty Cổ phần I có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất của quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

Việc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, lệ phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần I tổng số tiền nợ theo Hợp đồng thi công có số 64/2016/TC/N – I ngày 15/7/2016 là 7.567.751.819 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm mười chín đồng*), trong đó số tiền còn nợ của khối lượng đợt 7 còn lại: 2.087.609.955 (hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng; tiền nợ lãi chậm trả của đợt 7 tạm tính đến ngày 08/8/2024 là 952.478.619 (chín trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười chín) đồng và tiền khối lượng giá trị quyết toán còn lại là 4.527.663.245 (bốn tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm) đồng.

Thời hạn thanh toán chia làm 6 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Thanh toán vào ngày 30/8/2025 số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng;

Đợt 2: Thanh toán vào ngày 30/11/2025 số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng;

Đợt 3: Thanh toán vào ngày 28/02/2026 số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng;

Đợt 4: Thanh toán vào ngày 30/5/2026 số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng;

Đợt 5: Thanh toán vào ngày 30/8/2026 số tiền 1.310.614.858 (một tỷ ba trăm mười triệu sáu trăm mười bốn nghìn tám trăm năm mươi tám) đồng;

Đợt 6: Thanh toán vào ngày 30/11/2026 số tiền 2.757.136.961 (hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi một) đồng.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N có nghĩa vụ phải xác nhận khối lượng quyết toán công trình theo Hợp đồng thi công có số 64/2016/TC/N – I ngày 15/7/2016.

3. Kể từ ngày đến hạn thi hành án và Công ty Cổ phần I có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất của quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 115.567.752 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần I số tiền 58.123.809 đồng (*Năm mươi tám triệu, một trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm lẻ chín đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002260 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Qua kiểm sát vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định về thẩm quyền giải quyết vụ án, Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn, cấp và tổng đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa hôm nay, phiên tòa tiến hành đúng trình tự pháp luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe ý kiến của các đương sự; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hình thức và thời hạn kháng cáo: Ngày 13/8/2024, Tòa án nhân dân Quận C ban hành Bản án số 30/2024/KDTM-ST. Ngày 23/8/2024, bị đơn có đơn kháng cáo. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì kháng cáo của đương sự là còn trong thời hạn nên chấp nhận.

[2] Về tố tụng:

Nguyên đơn Công ty Cổ phần I khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn là Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng N, địa chỉ tại Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh. Do có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm nên căn cứ điểm b khoản 3 Điều 38 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[3] Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm: các đương sự thống nhất thỏa thuận như sau:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần I tổng số tiền nợ theo Hợp đồng thi công có số 64/2016/TC/N – I ngày 15/7/2016 là 7.567.751.819 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm mười chín đồng*), trong đó số tiền còn nợ của khối lượng đợt 7 còn lại: 2.087.609.955 (hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng; tiền nợ lãi chậm trả của đợt 7 tạm tính đến ngày 08/8/2024 là 952.478.619 (chín trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười chín) đồng và tiền khối lượng giá trị quyết toán còn lại là 4.527.663.245 (bốn tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm) đồng.

Thời hạn thanh toán chia làm 6 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Thanh toán vào ngày 30/8/2025 số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng;

Đợt 2: Thanh toán vào ngày 30/11/2025 số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng;

Đợt 3: Thanh toán vào ngày 28/02/2026 số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng;

Đợt 4: Thanh toán vào ngày 30/5/2026 số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng;

Đợt 5: Thanh toán vào ngày 30/8/2026 số tiền 1.310.614.858 (một tỷ ba trăm mười triệu sáu trăm mười bốn nghìn tám trăm năm mươi tám) đồng;

Đợt 6: Thanh toán vào ngày 30/11/2026 số tiền 2.757.136.961 (hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi một) đồng.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N có nghĩa vụ phải xác nhận khối lượng quyết toán công trình theo Hợp đồng thi công có số 64/2016/TC/N – I ngày 15/7/2016.

3. Kể từ ngày đến hạn thi hành án và Công ty Cổ phần I có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất của quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 115.567.752 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần I số tiền 58.123.809 đồng (*Năm mươi tám triệu, một trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm lẻ chín đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002260 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Sự thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Do các đương sự hòa giải thành tại phiên tòa phúc thẩm và Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228, Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố Tụng Dân sự 2015.

- Căn cứ Điều 112; Điều 113, Điều 144 và Điều 146 Luật xây dựng năm 2014.
- Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016):
- Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao
- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự:

Tuyên xử:

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty Cổ phần I tổng số tiền nợ theo Hợp đồng thi công có số 64/2016/TC/N – I ngày 15/7/2016 là 7.567.751.819 đồng (*Bằng chữ: Bảy tỷ, năm trăm sáu mươi bảy triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, tám trăm mười chín đồng*), trong đó số tiền còn nợ của khối lượng đợt 7 còn lại: 2.087.609.955 (hai tỷ không trăm tám mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn chín trăm năm mươi lăm) đồng; tiền nợ lãi chậm trả của đợt 7 tạm tính đến ngày 08/8/2024 là 952.478.619 (chín trăm năm mươi hai triệu bốn trăm bảy mươi tám nghìn sáu trăm mười chín) đồng và tiền khối lượng giá trị quyết toán còn lại là 4.527.663.245 (bốn tỷ năm trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm bốn mươi lăm) đồng.

Thời hạn thanh toán chia làm 6 đợt cụ thể như sau:

Đợt 1: Thanh toán vào ngày 30/8/2025 số tiền 500.000.000 (năm trăm triệu) đồng

Đợt 2: Thanh toán vào ngày 30/11/2025 số tiền 800.000.000 (tám trăm triệu) đồng;

Đợt 3: Thanh toán vào ngày 28/02/2026 số tiền 1.000.000.000 (một tỷ) đồng;

Đợt 4: Thanh toán vào ngày 30/5/2026 số tiền 1.200.000.000 (một tỷ hai trăm triệu) đồng;

Đợt 5: Thanh toán vào ngày 30/8/2026 số tiền 1.310.614.858 (một tỷ ba trăm mười triệu sáu trăm mười bốn nghìn tám trăm năm mươi tám) đồng;

Đợt 6: Thanh toán vào ngày 30/11/2026 số tiền 2.757.136.961 (hai tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm ba mươi sáu nghìn chín trăm sáu mươi một) đồng.

2. Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N có nghĩa vụ phải xác nhận khối lượng quyết toán công trình theo Hợp đồng thi công có số 64/2016/TC/N – I ngày 15/7/2016.

3. Kể từ ngày đến hạn thi hành án và Công ty Cổ phần I có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất của quy định tại Điều 306 Luật Thương mại.

4. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 115.567.752 đồng (*Một trăm mười lăm triệu, năm trăm sáu mươi bảy nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng*) Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N chịu.

Hoàn trả lại cho Công ty Cổ phần I số tiền 58.123.809 đồng (*Năm mươi tám triệu, một trăm hai mươi ba ngàn, tám trăm lẻ chín đồng*) là tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0002260 ngày 03/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Án phí phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng N phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 2.000.000 (*hai triệu*) đồng theo Biên lai thu số 0040516 ngày 26/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- TAND Quận C;
- Chi cục THADS Quận C;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

Phùng Thị Như Mai